

Số: /SNNPTNT-TL

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2024

V/v báo cáo phục vụ nghiên cứu thành lập công thông tin giám sát trực tuyến về chỉ số cấp nước và chất lượng nước sạch của các hệ thống cấp nước

Kính gửi: Sở Xây dựng

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 343/SXD-QLHĐXD ngày 29/02/2024 về việc báo cáo phục vụ nghiên cứu thành lập công thông tin giám sát trực tuyến về chỉ số cấp nước và chất lượng nước sạch của hệ thống cấp nước;

Qua nghiên cứu Thuyết minh “Tóm tắt thành lập Công thông tin giám sát trực tuyến về chỉ số cấp nước và chất lượng nước sạch của các hệ thống cấp nước” và các phụ lục I, II kèm theo Công văn số 771/BXD-HTKT ngày 26/02/2024 của Bộ Xây dựng; trên cơ sở báo cáo của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh tại Công văn số 117/TTNS ngày 11/3/2024 (có bản chụp kèm theo), Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Đối với thuyết minh “Tóm tắt thành lập Công thông tin giám sát trực tuyến về chỉ số cấp nước và chất lượng nước sạch của các hệ thống cấp nước”, Sở Nông nghiệp và PTNT cơ bản thống nhất.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT gửi các báo cáo theo mẫu Phụ lục của Công văn số 771/BXD-HTKT tại các Phụ lục I, II kèm theo.

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD (đ/c Hùng);
- TT NS và VSMT NT tỉnh;
- Lưu VT, CCTL.tdc

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Quốc Hùng

PHỤ LỤC I:

(Kèm theo Công văn số /SNNPTNT-TL ngày /3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Địa chỉ: 182 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại: 0255 - 3.822.704
- Email: snn@quangngai.gov.vn

II. THÔNG TIN ĐƠN VỊ ĐANG QUẢN LÝ

1. Số lượng nhà máy/công trình cấp nước đang quản lý trên địa bàn: 535 công trình cấp nước sạch nông thôn.

2. Hình thức quản lý:

a. Hình thức lưu trữ thông tin, dữ liệu

Dạng số

Có **Không**

Dạng giấy

b. Hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu

Có **Không**

Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân theo quy định

Quan trắc thủ công, điều tra, khảo sát

Báo cáo bằng văn bản

Quan trắc tự động và kết nối đến cơ quan quản lý

c. Hình thức khác (ghi chú)

3. Tại địa phương, có xảy ra “Sự cố” liên quan đến vấn đề cấp nước trong thời gian qua? Nếu có, vui lòng cung cấp thông tin cụ thể.

Ô nhiễm khu vực khai thác nước thô

Không đảm bảo chất lượng nước đầu vào

Không đảm bảo chất lượng nước đầu ra

Vỡ đường ống cấp nước

Vỡ, rò rỉ hệ thống xử lý nước, đường ống cấp nước

Không đảm bảo áp lực nước đến các hộ dùng nước

Ô nhiễm chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước

- Không đủ lưu lượng, chất lượng nước để vận hành
- Rò rỉ hóa chất
- Nhiễm các chất gây ô nhiễm từ môi trường bên ngoài
- Các thông số quan trắc chất lượng nước có thời điểm không đạt theo quy định

4. Cơ quan có tổ chức các hoạt động truyền thông liên quan đến công tác quản lý hoạt động cấp nước tại địa phương thời gian qua? Nếu có vui lòng cung cấp thông tin cụ thể.

- Không tổ chức
- Có tổ chức
- Thông tin cụ thể:* Hội thảo, tập huấn, tuyên truyền,...

5. Các giải pháp được thực thi trong quản lý an toàn cấp nước tại địa phương trong thời gian qua?

- Quan trắc và Báo cáo định kỳ
- Quan trắc tự động và kết nối cơ quan quản lý
- Giám sát bằng văn bản, báo cáo
- Giám sát tự động, trực tuyến trên internet

6. Vấn đề phản ánh, khiếu nại của người dân về lĩnh vực cấp nước trên địa bàn? Nếu có vui lòng cung cấp thông tin cụ thể: Vấn đề đó là gì? Nguyên nhân phát sinh? Hướng giải quyết?

- Có
- Không

III. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC

1. Hình thức quản lý dữ liệu khai thác và vận hành mạng lưới cấp nước tại địa bàn tỉnh. Tần suất cập nhật dữ liệu như thế nào?

- | <i>a. Hình thức quản lý dữ liệu khai thác và vận hành mạng lưới cấp nước</i> | Có | Không |
|--|-------------------------------------|--------------------------|
| Dạng số | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dạng giấy | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dùng phần mềm | | |
| <i>b. Tần suất cập nhật dữ liệu</i> | Có | Không |
| Định kỳ theo quy định | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tự động, liên tục trong ngày | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tự động, liên tục các ớp thời gian trong ngày | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Quan trắc tự động và kết nối đến cơ quan quản lý | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

c. Hình thức khác (ghi chú)

2. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin và các ứng dụng, công cụ quản lý hoạt động cấp nước đã/sẽ được đầu tư sử dụng tại Cơ quan?

| | | |
|--|-------------------------------------|--------------------------|
| <i>a. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin</i> | Có | Không |
| Internet, cáp quang, đường truyền có dây | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Chỉ dùng được 3G, 4G | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Không có mạng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Các ứng dụng, công cụ quản lý hoạt động cấp nước</i> | Có | Không |
| Phần mềm chuyên dụng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Web | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| APP trên di động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

c. Hình thức khác (Tên phần mềm, trang Web, ứng dụng đang dùng, bên cung cấp)

3. Nếu đơn vị đã được đầu tư hoặc sắp được đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu cấp nước bằng những ứng dụng, công cụ quản lý thì xin được cung cấp một số thông tin như sau:

| | | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>a. Bộ trí nhân sự theo dõi trang Web, ứng dụng, phần mềm</i> | Có | Không |
| Nhân sự thuộc phòng, ban của cơ quan | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trung tâm hoặc đơn vị có chức năng quản lý về CSDL, CNTT | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Bộ trí nhân sự riêng để theo dõi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Kinh phí mua trang thiết bị, trang Web, ứng dụng, phần mềm</i> | Có | Không |
| Trọn gói đã đầu tư của dự án | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Có kinh phí duy trì hàng năm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Cơ quan đảm bảo được nguồn kinh phí để đầu tư ban đầu và duy trì hàng năm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>c. Cơ chế phối hợp xử lý sự cố</i> | Có | Không |
| Trách nhiệm của bộ phận phòng, ban, Trung tâm được giao quản lý | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trách nhiệm đơn vị chủ quản | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trách nhiệm của nhân sự riêng đã được phân công | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Phối hợp đơn vị Tư vấn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>d. Trách nhiệm Báo cáo</i> | Có | Không |
| Trách nhiệm của bộ phận phòng, ban, Trung tâm được giao quản lý | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Trách nhiệm đơn vị chủ quản

Trách nhiệm của nhân sự riêng đã được phân công

IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

1. Những khó khăn của Cơ quan trong việc quản lý hoạt động khai thác và vận hành hệ thống cấp nước từ các nhà máy/công trình cấp nước là gì?

- Tại công trình thu nước: Nguồn nước có nguy cơ bị nhiễm Fe, nhiễm mặn; trữ lượng nước không ổn định, vào mùa nắng thường bị cạn kiệt, vào mùa mưa lũ thường gây sạt lở, vùi lấp, thay đổi dòng chảy ngầm ảnh hưởng đến nguồn nước.

- Tại nhà máy nước, Khu xử lý: Nguồn nước thường thay đổi theo mùa đã làm ảnh hưởng đến chất lượng nước, do đó làm cho vật liệu lọc nhanh trít, làm ảnh hưởng đến công suất cấp nước; Sự cố mất điện xảy ra nhưng không có thông báo trước, hỏng hóc thiết bị trong quá trình vận hành.

- Trên mạng đường ống cấp nước: Đường ống cấp nước thường bị bể vỡ do nhiều nguyên nhân khác nhau (do thi công công trình giao thông, kiến trúc; do lũ phá, do người dân làm nhà và công trình dân sinh khác ...), các van điều tiết bị hỏng hóc, gian lận trong đấu nối; rò rỉ, ăn mòn vật liệu, tắc ống, hư hỏng van, xây dựng công trình lấn chiếm hành lang lộ giới đè lên tuyến ống.

- Tại hộ khách hàng: Đồng hồ hư hỏng chạy không chính xác, đấu nối trong phạm vi hộ gia đình bị rò rỉ, gian lận nước, lấy nước nhỏ giọt, thiết bị dự trữ nước hộ gia đình không đảm bảo; các hoạt động xây dựng và các tác động cơ học khác làm bể vỡ đồng hồ và đường ống gây thất thoát nước.

2. Những khó khăn của Cơ quan trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu cấp nước là gì?

Không có đường truyền Internet tốc độ cao

Không có phần mềm, ứng dụng

Không có Web để cập nhật

Dữ liệu hồ sơ giấy nhiều

Không đủ dung lượng lưu trữ CNTT

Chưa có kinh phí

Chưa tìm được đơn vị tư vấn

Chưa có văn bản pháp luật quy định bắt buộc

3. Những khó khăn, vướng mắc của Cơ quan trong việc áp dụng các văn bản, quy chuẩn pháp luật hiện hành hiện nay là gì?

| | |
|---|-------------------------------------|
| Chưa có Luật, nghị định, thông tư hướng dẫn | <input type="checkbox"/> |
| Chưa có chế tài xử phạt | <input type="checkbox"/> |
| Chưa được tập huấn, đào tạo | <input checked="" type="checkbox"/> |

V. VỀ VIỆC XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ VỀ CẤP NƯỚC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

1. Đề xuất các chỉ số giám sát tự động, trực tuyến về cấp nước và chất lượng nước sạch

| | | |
|---|-------------------------------------|--------------------------|
| <i>a. Giám sát bằng hình ảnh camera</i> | Cần | Không |
| Khu vực khai thác nước thô | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Khu vực nhà trạm xử lý nước | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vị trí khác (đường ống cấp nước, trên mạng lưới cấp...) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Giám sát chỉ số về áp lực nước</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vị trí khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>c. Giám sát chỉ số về lưu lượng</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước, khu vực khai thác nước thô | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vị trí khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>d. Giám sát chỉ số về chất lượng nước</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước, khu vực khai thác nước thô | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Vị trí khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>e. Tại các vị trí khác vui lòng ghi chú thêm thông tin:</i> | | |

2. Đề xuất các thông số cần quan trắc giám sát tự động, trực tuyến về chất lượng nước

| | | | |
|--------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| <i>a. Khu vực khai thác nước thô</i> | Cần | Khuyến khích | Không |
| Nhiệt độ | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| pH | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hàm lượng oxy hoà tan (DO) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| | | | |
|--|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nhu cầu oxy hoá học (COD) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Độ đục, TDS, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , NO ₃ ⁻ , TOC | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các thông số khác theo mục tiêu quan trắc. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Khu vực nhà máy, trên mạng lưới cấp nước</i> | Cần | Khuyến khích | Không |
| Nhiệt độ | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| pH | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Độ đục | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Clo dư | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nitrat (NO ₃ ⁻) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các thông số khác theo mục tiêu quan trắc. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

c. Các thông số khác vui lòng ghi chú thêm thông tin:

3. Đánh giá khả năng đầu tư trang thiết bị giám sát tự động, trực tuyến theo quy mô công suất hệ thống cấp nước và điều kiện thực tế của đơn vị cấp nước.

a. Đánh giá theo cấp công trình xây dựng

| | Đáp ứng | Không đáp ứng |
|-------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Công trình cấp đặc biệt | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Công trình cấp I | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Công trình cấp II | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Công trình cấp III | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Công trình cấp IV | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Công trình cấp V | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

b. Đánh giá theo lưu lượng khai thác

| | Đáp ứng | Không đáp ứng |
|---|-------------------------------------|--------------------------|
| Giấy phép khai thác, sử dụng nước do Bộ TNMT cấp | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Giấy phép khai thác, sử dụng nước do UBND tỉnh, thành phố cấp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đơn vị khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

VI. VỀ VIỆC XÂY DỰNG CÔNG THÔNG TIN GIÁM SÁT TRỰC TUYẾN VỀ CHỈ SỐ CẤP NƯỚC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH CỦA CÁC HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

| | |
|---------------|-------------------------------------|
| Rất cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| Cần thiết | <input checked="" type="checkbox"/> |

Không cần thiết



Không ý kiến



PHỤ LỤC II:

(Kèm theo Công văn số /SNNPTNT-TL ngày /3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

- Địa chỉ: 482 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Số điện thoại: 0255 - 3822967.

- Email: ttnquangngai@gmail.com.

II. THÔNG TIN ĐƠN VỊ ĐANG QUẢN LÝ**1. Giấy phép kinh doanh:**

Ngành đăng ký:

- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đổi tên Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thành Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 324/QĐ-SNNPTNT ngày 16/5/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 459/QĐ-SNNPTNT ngày 24/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-SNNPTNT ngày 16/5/2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Quy mô hoạt động

a. Nguồn cấp nước:

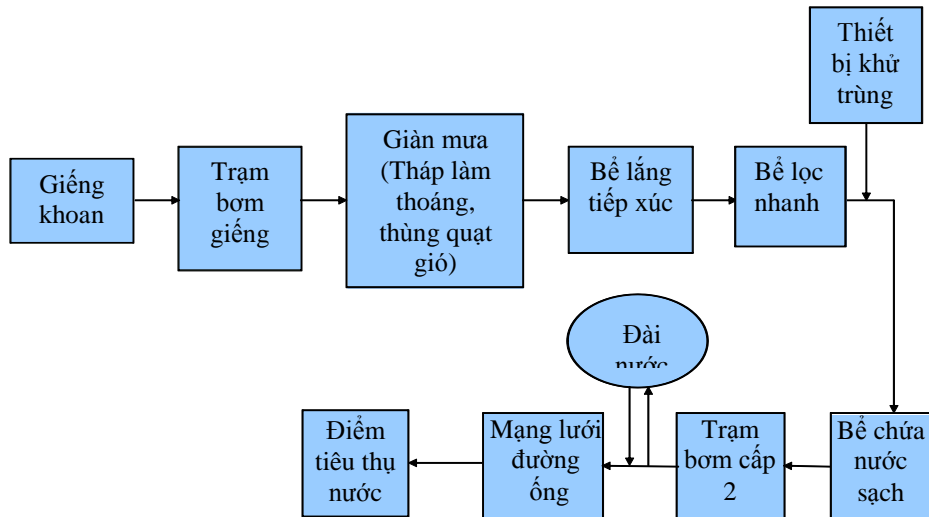
- Nguồn cấp nước: Nước mặt Nước dưới đất Khác

- Lưu lượng khai thác: Tổng lưu lượng khai thác bình quân của 20 Trạm cấp nước do Trung tâm đang quản lý, vận hành: 7.155 m³/ngày.đêm. Vậy bình quân mỗi trạm cấp nước là (7.155 m³/ngày.đêm/20 trạm)=375,75 m³/ngày.đêm.

- Hình thức quan trắc chất lượng nước: Tự động Định kỳ (1 tháng/lần)

- Thông số giám sát: Lưu lượng, chất lượng nước.

b. Quy trình công nghệ hoạt động:



c. Hệ thống cấp nước: Hiện tại, Trung tâm đang quản lý, vận hành 20 Trạm cấp nước.

- Công suất cấp nước: Tổng công suất khai thác bình quân của 20 Trạm cấp nước do Trung tâm đang quản lý, vận hành: $7.155 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ Vậy bình quân mỗi trạm cấp nước là $(7.155 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}/20 \text{ trạm})=375,75 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Chất lượng nước cấp: Theo quy chuẩn địa phương QCDP: 01/2023/QNg ngày 13/02/2023 do UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành, Mức độ A, B.

- Khu vực cấp nước: Các xã: Bình Hải, Bình Chánh, Bình Trung, Bình Nguyên, thị trấn Châu Ô thuộc huyện Bình Sơn; Tịnh Giang, Tịnh Sơn, Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh; Hành Đức, huyện Nghĩa Hành; Tịnh Thiện, Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Nghĩa Phú thuộc thành phố Quảng Ngãi; Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Lợi, Đức Thạnh, Đức Hòa, Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức; Phổ Vinh, Phổ Thuận, Phổ Phong thuộc thị xã Đức Phổ.

- Hình thức quan trắc chất lượng nước: Tự động Định kỳ (1 tháng/lần).

- Thông số giám sát: Đo bằng thước dây và ghi chép vào sổ nhật ký.

- Hình thức giám sát tại nhà máy: Lắp đồng hồ đo lưu lượng, xét nghiệm mẫu nước.

- Thông số giám sát: Lưu lượng khai thác; kiểm nghiệm chất lượng nước theo QCDP: 01/2023/QNg ngày 13/02/2023 do UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành.

- Hình thức giám sát trên mạng lưới: Lắp đặt đồng hồ áp lực.

- Thông số giám sát: Áp lực cấp nước.

III. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC

1. Quản lý dữ liệu khai thác, xử lý trong phạm vi Nhà máy và kiểm soát, điều khiển, vận hành hệ thống mạng lưới cấp nước?

| | Có | Không |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>a. Hình thức lưu trữ thông tin, dữ liệu</i> | | |
| Dạng số | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Dạng giấy | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu</i> | Có | Không |
| Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân theo quy định | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Quan trắc thủ công, điều tra, khảo sát | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Báo cáo bằng văn bản | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Quan trắc tự động và kết nối đến cơ quan quản lý | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| <i>c. Hình thức khác (ghi chú)</i> | | |

2. Công tác báo cáo dữ liệu khai thác, vận hành giữa Nhà máy với Cơ quan chủ quản?

| | Có | Không |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Cung cấp dữ liệu, báo cáo văn bản theo quy định | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Quan trắc thủ công, điều tra, khảo sát | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nhập liệu thủ công trên trang Web của cơ quan quản lý | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Quan trắc tự động và kết nối đến cơ quan quản lý | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| <i>c. Hình thức khác (ghi chú)</i> | | |

3. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin và các ứng dụng, công cụ quản lý hoạt động nước đã được đầu tư sử dụng tại Nhà máy?

| | Có | Không |
|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>a. Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin</i> | | |
| Internet, cáp quang, đường truyền có dây | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chỉ dùng được 3G, 4G | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Không có mạng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Các ứng dụng, công cụ quản lý hoạt động cấp nước</i> | Có | Không |
| Phần mềm chuyên dụng | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Web | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| APP trên di động | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| <i>c. Hình thức khác (Tên phần mềm, trang Web, ứng dụng đang dùng, bên cung cấp)</i> | | |

IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

1. Những khó khăn của doanh nghiệp trong việc khai thác và vận hành hệ thống cấp nước là gì?

- *Tại công trình thu nước:* Nguồn nước có nguy cơ bị nhiễm Fe, nhiễm mặn; trữ lượng nước không ổn định, vào mùa nắng thường bị cạn kiệt, vào mùa mưa lũ thường gây sạt lở, vùi lấp, thay đổi dòng chảy ngầm ảnh hưởng đến nguồn nước.

- *Tại nhà máy nước, Khu xử lý:* Nguồn nước thường thay đổi theo mùa đã làm ảnh hưởng đến chất lượng nước, do đó làm cho vật liệu lọc nhanh trít, làm ảnh hưởng đến công suất cấp nước; Sự cố mất điện xảy ra nhưng không có thông báo trước, hỏng hóc thiết bị trong quá trình vận hành.

- *Trên mạng đường ống cấp nước:* Đường ống cấp nước thường bị bể vỡ do nhiều nguyên nhân khác nhau (do thi công công trình giao thông, kiến trúc; do lũ phá, do người dân làm nhà và công trình dân sinh khác ...), các van điều tiết bị hỏng hóc, gian lận trong đấu nối; rò rỉ, ăn mòn vật liệu, tắc ống, hư hỏng van, xây dựng công trình lấn chiếm hành lang lộ giới đè lên tuyến ống.

- *Tại hộ khách hàng:* Đồng hồ hư hỏng chạy không chính xác, đấu nối trong phạm vi hộ gia đình bị rò rỉ, gian lận nước, lấy nước nhỏ giọt, thiết bị dự trữ nước hộ gia đình không đảm bảo; các hoạt động xây dựng và các tác động cơ học khác làm bể vỡ đồng hồ và đường ống gây thất thoát nước.

2. Những khó khăn của doanh nghiệp trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu cấp nước là gì?

- | | |
|---|-------------------------------------|
| Không có đường truyền Internet tốc độ cao | <input type="checkbox"/> |
| Không có phần mềm, ứng dụng | <input type="checkbox"/> |
| Không có Web để cập nhật | <input type="checkbox"/> |
| Dữ liệu hồ sơ giấy nhiều | <input type="checkbox"/> |
| Không đủ dung lượng lưu trữ CNTT | <input type="checkbox"/> |
| Chưa có kinh phí | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Chưa tìm được đơn vị tư vấn | <input type="checkbox"/> |
| Chưa có văn bản pháp luật quy định bắt buộc | <input type="checkbox"/> |

Khó khăn khác:

3. Những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong việc áp dụng các văn bản, quy chuẩn pháp luật hiện hành hiện nay là gì?

- | | |
|---|--------------------------|
| Chưa có Luật, nghị định, thông tư hướng dẫn | <input type="checkbox"/> |
| Chưa có chế tài xử phạt | <input type="checkbox"/> |
| Chưa được tập huấn, đào tạo | <input type="checkbox"/> |

Khó khăn khác:

V. VỀ BỘ CHỈ SỐ VỀ CẤP NƯỚC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

1. Đề xuất các chỉ số giám sát tự động, trực tuyến về cấp nước và chất lượng nước sạch

| | | |
|---|--------------------------|-------------------------------------|
| <i>a. Giám sát bằng hình ảnh camera</i> | Cần | Không |
| Khu vực khai thác nước thô | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Khu vực nhà trạm xử lý nước | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Vị trí khác (đường ống cấp nước, trên mạng lưới cấp...) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Giám sát chỉ số về áp lực nước</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Vị trí khác: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>c. Giám sát chỉ số về lưu lượng</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước, khu vực khai thác nước thô | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Vị trí khác: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>d. Giám sát chỉ số về chất lượng nước</i> | Cần | Không |
| Tại khu vực nhà máy, khu vực trạm xử lý nước, khu vực khai thác nước thô | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Trên mạng lưới cấp nước (khu vực chuyển nhánh cấp I, II...; khu vực đầu và cuối mạng lưới cấp nước) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Vị trí khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>e. Tại các vị trí khác vui lòng ghi chú thêm thông tin:</i> | | |

.....

2. Đề xuất các thông số cần quan trắc giám sát tự động, trực tuyến về chất lượng nước

| | | | |
|---|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| <i>a. Khu vực khai thác nước thô</i> | Cần | Khuyến khích | Không |
| Nhiệt độ | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| pH | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Hàm lượng oxy hoà tan (DO) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nhu cầu oxy hoá học (COD) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Độ đục, TDS, NH_4^+ , PO_4^{3-} , NO_3^- , TOC | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các thông số khác theo mục tiêu quan trắc. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <i>b. Khu vực nhà máy, trên mạng lưới cấp nước</i> | Cần | Khuyến khích | Không |
| Nhiệt độ | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| | | | |
|--|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| pH | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Độ đục | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Clo dư | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nitrat (NO ₃ -) | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các thông số khác theo mục tiêu quan trắc. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

c. Các thông số khác vui lòng ghi chú thêm thông tin:.....

3. Đánh giá khả năng đầu tư trang thiết bị giám sát tự động, trực tuyến theo quy mô công suất hệ thống cấp nước và điều kiện thực tế của đơn vị cấp nước.

| | Đáp ứng | Không đáp ứng |
|--|--------------------------|-------------------------------------|
| Giám sát bằng hình ảnh camera | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Giám sát chỉ số về áp lực nước | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Giám sát chỉ số về lưu lượng | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Giám sát chỉ số về chất lượng nước với các thông số yêu cầu bắt buộc theo quy định hiện hành | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Giám sát chỉ số về chất lượng nước với đầy đủ thông số theo yêu cầu quan trắc | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |

Ý kiến khác:.....

VI. VỀ VIỆC XÂY DỰNG CÔNG THÔNG TIN GIÁM SÁT TRỰC TUYẾN VỀ CHỈ SỐ CẤP NƯỚC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH CỦA CÁC HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

| | |
|-----------------|-------------------------------------|
| Rất cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| Cần thiết | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Không cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| Không ý kiến | <input type="checkbox"/> |

Ý kiến khác: